

BỘ CÔNG THƯƠNG

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Tên dự án, dự thảo: Thông tư quy định biện pháp thi hành Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Cấp mới Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến	Chuẩn bị nội dung	8.0	53,807		0	1	40	430,456	17,218,240	
1.2	Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6	Chuẩn bị nội dung	2.0	53,807		0	1	40	107,614	4,304,560	

	cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn được chụp trong thời gian không quá 06 tháng										
1.3	Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với lĩnh vực, hạng chứng chỉ tư vấn đề nghị cấp; trường hợp trên văn bằng không ghi hoặc ghi không rõ chuyên ngành đào tạo thì phải nộp kèm bằng điểm hoặc phụ lục văn bằng để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá (đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, trường hợp cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; các	Chuẩn bị nội dung	2.0	53,807		0	1	40	107,614	4,304,560	

[illegible]

3.3	Chi phí khác (nếu có)								0		
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.0	53,807		0	1	40	215,228	8,609,120	
		Bưu chính	2.0	53,807		0	1	40	107,614	4,304,560	
		Điện tử	1.0	53,807		0	1	40	53,807	2,152,280	
	TỔNG								1,345,175	53,807,000	

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Cấp điều chỉnh Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến;	Chuẩn bị nội dung	8.0	53,807		0	1	30	430,456	12,913,680	
1.2	Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn được chụp trong thời gian không quá 06 tháng	Chuẩn bị nội dung	2.0	53,807		0	1	30	107,614	3,228,420	
1.3	Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với lĩnh vực, hạng	Chuẩn bị nội dung	2.0	53,807		0	1	30	107,614	3,228,420	

	chứng chỉ tư vấn đề nghị cấp; trường hợp trên văn bằng không ghi hoặc ghi không rõ chuyên ngành đào tạo thì phải nộp kèm bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá (đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, trường hợp cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; các trường hợp còn lại văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được hệ thống giáo dục Việt Nam công nhận)										
1.4	Các giấy tờ chứng minh về năng lực, kinh nghiệm	Chuẩn bị nội dung	4.0	53,807		0	1	30	215,228	6,456,840	

[illegible]

6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.0	53,807		0	1	30	215,228	6,456,840	
		Buu chính	2.0	53,807		0	1	30	107,614		
		Điện tử	1.0	53,807		0	1	30	53,807		
	TỔNG								1,345,175	40,355,250	

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3: Cấp lại Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến;	Chuẩn bị nội dung	8.0	53,807		0	1	15	430,456	6,456,840	
1.2	Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn được chụp trong thời gian không quá 06 tháng	Chuẩn bị nội dung	2.0	53,807		0	1	15	107,614	1,614,210	
1.3	Bản gốc chứng chỉ tư vấn đề nghị cấp lại. Trường hợp bị mất	Chuẩn bị nội dung	2.0	53,807		0	1	15	107,614	1,614,210	

[illegible]

6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4.0	53,807		0	1	15	215,228	3,228,420	
		Bưu chính	2.0	53,807		0	1	15	107,614	1,614,210	
		Điện tử	1.0	53,807		0	1	15	53,807	807,105	
	TỔNG								1,076,140	16,142,100	

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 4: Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

[illegible]

3.1	Phí					36,000,000	1	55	36,000,000	1,980,000,000	
3.2	Lệ phí								0	0	
3.3	Chi phí khác (nếu có)								0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
4.1	Chuẩn bị phục vụ buổi thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;	Chuẩn bị nội dung	40	53,807		0	1	55	2,152,280	118,375,400	
4.2	Làm việc với Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	Làm việc với hội đồng thẩm định	8	53,807		0	1	55	430,456	23,675,080	
5	Công việc khác (nếu có)								0	0	
5.1	Thuê chuyên gia tư vấn, hoàn thiện kế hoạch (3 chuyên gia)	Thuê chuyên gia tư vấn			75,000,000		1	55	75,000,000	4,125,000,000	
5.2	Chỉnh sửa, bổ sung Kế hoạch Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (nếu	Biên soạn, in ấn	12	53,807			1	55	645,684	35,512,620	

	Hội đồng yêu cầu)										
5.3	Văn bản tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định đối với Kế hoạch Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.	Biên soạn, in ấn	6	53,807			1	55	322,842	17,756,310	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	8	53,807		0	1	55	430,456	23,675,080	
		Bưu chính	8	53,807		0	1	55	430,456	23,675,080	
		Điện tử	4	53,807		0	1	55	215,228	11,837,540	
	TỔNG								120,147,190	6,608,095,450	